

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025



## **NỘI DUNG**

|                                               | <b>Trang</b> |
|-----------------------------------------------|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                 | 02-03        |
| Báo cáo tài chính hợp nhất                    | 04-35        |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất                 | 04-05        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 06-07        |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất           | 08-09        |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất        | 10-35        |

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Quý II năm 2025.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 17 tháng 06 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                           |            |
|---------------------------|------------|
| Ông Lê Văn Đức            | Chủ tịch   |
| Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung | Thành viên |
| Ông Lê Anh Tuấn           | Thành viên |
| Ông Lưu Chiến Thắng       | Thành viên |
| Ông Nguyễn Tuấn Dũng      | Thành viên |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                      |               |
|----------------------|---------------|
| Ông Nguyễn Tuấn Dũng | Tổng Giám đốc |
|----------------------|---------------|

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

|                    |            |
|--------------------|------------|
| Ông Dương Quân Anh | Trưởng ban |
| Bà Bùi Phương Anh  | Thành viên |
| Ông Đặng Quốc Hưng | Thành viên |

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán Quý II năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Tuấn Dũng**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La  
 Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội,  
 Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

| Mã số | TÀI SẢN                                         | Thuyết minh | 30/06/2025             | 01/01/2025             |
|-------|-------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
|       |                                                 |             | VND                    | VND                    |
| 100   | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                      |             | <b>248.042.768.137</b> | <b>253.399.925.872</b> |
| 110   | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>    | 3           | <b>34.105.532.534</b>  | <b>80.145.704.798</b>  |
| 111   | 1. Tiền                                         |             | 14.105.532.534         | 30.645.704.798         |
| 112   | 2. Các khoản tương đương tiền                   |             | 20.000.000.000         | 49.500.000.000         |
| 120   | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>            | 4           | <b>59.613.558.042</b>  | <b>60.684.193.127</b>  |
| 121   | 1. Chứng khoán kinh doanh                       |             | 68.009.739.281         | 61.226.670.390         |
| 122   | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) |             | (8.396.181.239)        | (542.477.263)          |
| 130   | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>         |             | <b>153.509.496.598</b> | <b>106.921.255.819</b> |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 5           | 6.233.797.008          | 23.901.471.875         |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 6           | 9.900.000              | 8.119.861.600          |
| 135   | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn                 | 7           | 43.010.000.000         | 72.490.000.000         |
| 136   | 4. Phải thu ngắn hạn khác                       | 8           | 104.255.799.590        | 2.409.922.344          |
| 140   | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                         | 9           | -                      | <b>3.498.566.964</b>   |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                                 |             | -                      | 3.498.566.964          |
| 150   | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                 |             | <b>814.180.963</b>     | <b>2.150.205.164</b>   |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 11          | 12.254.998             | 36.719.484             |
| 152   | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ          |             | 801.925.965            | 2.113.485.680          |
| 200   | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       |             | <b>209.107.633.308</b> | <b>215.939.022.572</b> |
| 210   | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            |             | <b>97.575.000.000</b>  | <b>97.575.000.000</b>  |
| 216   | 1. Phải thu dài hạn khác                        | 8           | 97.575.000.000         | 97.575.000.000         |
| 220   | <b>II. Tài sản cố định</b>                      |             | <b>14.385.543.441</b>  | <b>41.983.805.086</b>  |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 10          | 14.385.543.441         | 32.179.247.994         |
| 222   | - Nguyên giá                                    |             | 33.960.765.616         | 57.657.763.130         |
| 223   | - Giá trị hao mòn lũy kế                        |             | (19.575.222.175)       | (25.478.515.136)       |
| 224   | 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 10          | -                      | 9.804.557.092          |
| 225   | - Nguyên giá                                    |             | -                      | 12.384.703.717         |
| 226   | - Giá trị hao mòn lũy kế                        |             | -                      | (2.580.146.625)        |
| 250   | <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | 4           | <b>94.893.049.447</b>  | <b>73.988.587.913</b>  |
| 252   | 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      |             | 94.893.049.447         | 73.988.587.913         |
| 260   | <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 |             | <b>2.254.040.420</b>   | <b>2.391.629.573</b>   |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 11          | 2.254.040.420          | 2.391.629.573          |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        |             | <b>457.150.401.445</b> | <b>469.338.948.444</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La  
Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội,  
Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025  
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN                                     | Thuyết minh | 30/06/2025             | 01/01/2025             |
|-------|-----------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
|       |                                               |             | VND                    | VND                    |
| 300   | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                         |             | <b>16.493.356.785</b>  | <b>22.717.164.089</b>  |
| 310   | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         |             | <b>16.422.320.213</b>  | <b>18.597.827.481</b>  |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                | 12          | 5.708.813.640          | 2.842.275.432          |
| 313   | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 13          | 1.601.530.465          | 429.787.875            |
| 314   | 3. Phải trả người lao động                    |             | -                      | 17.487.719             |
| 315   | 4. Chi phí phải trả ngắn hạn                  |             | -                      | 285.632                |
| 319   | 5. Phải trả ngắn hạn khác                     | 14          | 217.593.600            | 243.358.773            |
| 320   | 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn          | 15          | -                      | 6.170.249.542          |
| 322   | 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  |             | 8.894.382.508          | 8.894.382.508          |
| 330   | <b>II. Nợ dài hạn</b>                         |             | <b>71.036.572</b>      | <b>4.119.336.608</b>   |
| 338   | 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn           | 15          | -                      | 4.048.300.036          |
| 341   | 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả            |             | 71.036.572             | 71.036.572             |
| 400   | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                      |             | <b>440.657.044.660</b> | <b>446.621.784.356</b> |
| 410   | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | 16          | <b>440.657.044.660</b> | <b>446.621.784.356</b> |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                     |             | 385.673.630.000        | 385.673.630.000        |
| 411a  | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        |             | 385.673.630.000        | 385.673.630.000        |
| 414   | 2. Vốn khác của chủ sở hữu                    |             | 39.750.000.000         | 39.750.000.000         |
| 418   | 3. Quỹ đầu tư phát triển                      |             | 4.447.191.254          | 4.447.191.254          |
| 421   | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          |             | 6.849.450.470          | 11.722.489.894         |
| 421a  | LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước |             | 5.740.687.822          | 4.964.409.770          |
| 421b  | LNST chưa phân phối năm nay                   |             | 1.108.762.648          | 6.758.080.124          |
| 429   | 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát            |             | 3.936.772.936          | 5.028.473.208          |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                    |             | <b>457.150.401.445</b> | <b>469.338.948.444</b> |



Trần Thị Thom

Người lập



Trần Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vọng Phúc, Phường  
Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2025 & Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

| Mã<br>số | CHỈ TIÊU                                               | Thuyết<br>minh | Quý II năm 2025 |                | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này |                 |
|----------|--------------------------------------------------------|----------------|-----------------|----------------|------------------------------------|-----------------|
|          |                                                        |                | Năm nay         |                | Năm trước                          |                 |
|          |                                                        |                | VND             | VND            | VND                                | VND             |
| 01       | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 17             | 27.276.268.491  | 69.125.634.861 | 35.940.542.983                     | 109.592.233.585 |
| 02       | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        |                | -               | -              | -                                  | -               |
| 10       | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ        |                | 27.276.268.491  | 69.125.634.861 | 35.940.542.983                     | 109.592.233.585 |
| 11       | 4. Giá vốn hàng bán                                    | 18             | 26.514.325.574  | 64.830.674.804 | 33.718.390.259                     | 102.163.086.894 |
| 20       | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       |                | 761.942.917     | 4.294.960.057  | 2.222.152.724                      | 7.429.146.691   |
| 21       | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 19             | 12.334.641.420  | 493.556.492    | 15.213.466.605                     | 1.184.801.313   |
| 22       | 7. Chi phí tài chính                                   | 20             | 12.556.183.891  | 301.866.553    | 12.862.103.792                     | 706.938.369     |
| 23       | Trong đó: Chi phí lãi vay                              |                | 394.623.921     | 610.485.226    | 394.623.921                        | 610.485.226     |
| 24       | 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết |                | 52.487.856      | 17.783.658     | 52.487.856                         | -               |
| 25       | 9. Chi phí bán hàng                                    | 21             | 9.413.182       | 434.618.393    | 64.793.808                         | 872.664.825     |
| 26       | 10 Chi phí quản lý doanh nghiệp                        | 22             | 1.188.288.889   | 954.672.424    | 2.007.211.449                      | 1.799.351.154   |
| 30       | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            |                | (604.813.769)   | 3.115.142.837  | 2.553.998.136                      | 5.234.993.656   |
| 31       | 12. Thu nhập khác                                      | 23             | -               | -              | 650.700                            | -               |
| 32       | 13. Chi phí khác                                       | 24             | 29.708          | 11.969.464     | 7.584.550                          | 20.212.541      |
| 40       | 14. Lợi nhuận khác                                     |                | (29.708)        | (11.969.464)   | (6.933.850)                        | (20.212.541)    |



Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường  
Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

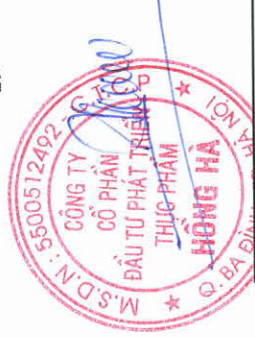
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

*Quý II năm 2025 & Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*

70 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu 26 29 135

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2025

**Nguyễn Tuấn Dũng**  
**Tổng Giám đốc**





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La  
 Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội,  
 Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số                                       | CHỈ TIÊU                                                                                         | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này |                   |
|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------|-------------------|
|                                             |                                                                                                  |             | Năm nay                            | Năm trước         |
|                                             |                                                                                                  |             | VND                                | VND               |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  |                                                                                                  |             |                                    |                   |
| 01                                          | 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                          |             | 2.547.064.286                      | 5.214.781.115     |
|                                             | 2. Điều chỉnh cho các khoản                                                                      |             |                                    |                   |
| 02                                          | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                                |             | 1.152.185.490                      | 2.675.933.807     |
| 03                                          | - Các khoản dự phòng                                                                             |             | 7.853.703.976                      | -                 |
| 05                                          | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                                    |             | (15.265.954.461)                   | (1.088.348.170)   |
| 06                                          | - Chi phí lãi vay                                                                                |             | 394.623.921                        | 610.485.226       |
| 07                                          | - Các khoản điều chỉnh khác                                                                      |             | (13.568.249.052)                   | -                 |
| 08                                          | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 |             | (16.886.625.840)                   | 7.412.851.978     |
| 09                                          | - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  |             | (69.017.755.037)                   | 23.113.447.580    |
| 10                                          | - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        |             | 3.498.566.964                      | (2.210.123.161)   |
| 11                                          | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) |             | 2.821.162.783                      | (13.901.105.882)  |
| 12                                          | - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                   |             | 162.053.639                        | 63.024.255        |
| 13                                          | - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                              |             | (6.783.068.891)                    | -                 |
| 14                                          | - Tiền lãi vay đã trả                                                                            |             | (394.623.921)                      | (610.485.226)     |
| 15                                          | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              |             | (354.422.539)                      | (800.898.749)     |
| 20                                          | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                                    |             | (86.954.712.842)                   | 13.066.710.795    |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ     |                                                                                                  |             |                                    |                   |
| 21                                          | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                     |             | -                                  | (1.051.538.000)   |
| 23                                          | 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                          |             | (41.076.000.000)                   | (168.720.000.000) |
| 24                                          | 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                  |             | 43.516.000.000                     | 106.850.000.000   |
| 25                                          | 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                       |             | -                                  | (27.720.000.000)  |
| 26                                          | 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                   |             | 29.000.000.000                     | 35.105.000.000    |
| 27                                          | 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                           |             | 9.474.540.578                      | 695.376.982       |
| 30                                          | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                        |             | 40.914.540.578                     | (54.841.161.018)  |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH |                                                                                                  |             |                                    |                   |
| 33                                          | 1. Tiền thu từ đi vay                                                                            |             | -                                  | 610.000.000       |
| 34                                          | 2. Tiền trả nợ gốc vay                                                                           |             | -                                  | (406.842.852)     |
| 35                                          | 3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                                |             | -                                  | (1.010.009.814)   |
| 36                                          | 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                       |             | -                                  | (140.000.000)     |
| 40                                          | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                                     |             | -                                  | (946.852.666)     |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

| Mã số | CHỈ TIÊU                         | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này |                       |
|-------|----------------------------------|-------------|------------------------------------|-----------------------|
|       |                                  |             | Năm nay                            | Năm trước             |
|       |                                  |             | VND                                | VND                   |
| 50    | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ   |             | (46,040,172,264)                   | (42,721,302,889)      |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ  |             | 80,145,704,798                     | 63,843,947,170        |
| 70    | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 3           | <u>34,105,532,534</u>              | <u>21,122,644,281</u> |

Trần Thị Thơm  
Người lập

Trần Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 17 tháng 06 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 385.673.630.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 385.673.630.000 đồng; tương đương 38.567.363 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông sản sơ chế, chủ yếu là sản lát và ngô hạt sấy.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Chi nhánh Nhà máy sản xuất Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà  
Địa điểm kinh doanh Tỉnh Hậu Giang - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà

**Địa chỉ**

Xã Chiềng Hặc,  
Tỉnh Sơn La  
Xã Đông Phước,  
TP Cần Thơ

**Hoạt động kinh doanh chính**

Sản xuất, buôn bán nông sản.  
Kinh doanh hàng nông sản

Chi nhánh Nhà máy sản xuất Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 5500512492-002 cấp ngày 29/06/2021 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La, Chi nhánh hoạt động theo hình thức hạch toán độc lập.

**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2025 bao gồm:



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

| Tên công ty                                                                                   | Địa chỉ                        | Tỷ lệ<br>lợi ích | Tỷ lệ quyền<br>biểu quyết | Hoạt động kinh doanh<br>chính                                                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Cường Sinh<br>Yên Châu                                                        | Xã Chiềng Hặc,<br>Sơn La       | 98,14%           | 98,14%                    | Sản xuất, thương mại<br>các sản phẩm liên<br>quan nông nghiệp                          |
| Công ty TNHH Nông sản<br>Ngọc Lặc Xanh                                                        | Xã Kiên Thọ,<br>Tỉnh Thanh Hóa | 100,00%          | 100,00%                   | Bán buôn nông, lâm<br>sản nguyên liệu                                                  |
| Công ty Cổ phần Nông lâm<br>nghiệp Hồng Hà (đổi tên từ<br>"Công ty Cổ phần HongHa<br>Pharma") | Phường Ngọc Hà,<br>TP Hà Nội   | 98,00%           | 98,00%                    | Bán buôn đồ dùng<br>khác cho gia đình.<br>Kinh doanh dược liệu,<br>thực phẩm chức năng |

**- Danh sách các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:**

| Tên công ty                                                             | Địa chỉ                                     | Tỷ lệ<br>lợi ích | Tỷ lệ quyền<br>biểu quyết | Hoạt động kinh doanh<br>chính                          |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ, Sản<br>xuất và Kinh doanh lâm<br>nghiệp Hà Nội | Thôn Tích Chung,<br>Xã Cầm Nhân,<br>Lào Cai | 47,04%           | 48,00%                    | Kinh doanh nông, lâm<br>sản, Trồng và chăm<br>sóc rừng |
| Công ty Cổ phần Đầu tư<br>Thương mại Châu Á                             | TP Cần Thơ                                  | 39,20%           | 40,00%                    | Kinh doanh điện mặt<br>trời                            |

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

### Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

#### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

#### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2.5 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

### Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

#### 2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

### Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

#### 2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 20 năm      |
| - Máy móc, thiết bị               | 03 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 - 15 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 05 năm |

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

### **Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

#### **2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm theo thời gian thuê đất.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm.

#### **2.11 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### **2.12 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **2.13 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

### Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

#### 2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

#### 2.16 . Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

### Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

#### **2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **2.18 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### **2.19 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**2.21 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.22 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                 | 30/06/2025            | 01/01/2025            |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                 | VND                   | VND                   |
| Tiền mặt                        | 2.169.840.563         | 586.600.821           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 11.935.691.971        | 29.502.953.977        |
| Tiền đang chuyển                | -                     | 556.150.000           |
| Các khoản tương đương tiền      | 20.000.000.000        | 49.500.000.000        |
|                                 | <b>34.105.532.534</b> | <b>80.145.704.798</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Chứng khoán kinh doanh**

|                          | 30/06/2025            |                        | 01/01/2025            |                      |
|--------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|
|                          | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND        | Giá gốc               | Dự phòng<br>VND      |
| - Chứng khoán kinh doanh | 68.009.739.281        | (8.396.181.239)        | 61.226.670.390        | (542.477.263)        |
|                          | <b>68.009.739.281</b> | <b>(8.396.181.239)</b> | <b>61.226.670.390</b> | <b>(542.477.263)</b> |

**b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết**

|                                                                | 30/06/2025            |                 | 01/01/2025            |                 |
|----------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|                                                                | Giá trị hợp lý<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| - Công ty CP Dịch vụ, Sản xuất và Kinh doanh Lâm nghiệp Hà Nội | 73.988.587.913        | -               | 73.988.587.913        | -               |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và thương mại Châu Á (*)   | 20.904.461.534        | -               | -                     | -               |
|                                                                | <b>94.893.049.447</b> | <b>-</b>        | <b>73.988.587.913</b> | <b>-</b>        |

(\*) Tháng 06/2025, Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà đã thực hiện thoái 2.900.000 cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và thương mại Châu Á ("Công ty Châu Á") với giá trị chuyển nhượng là 29.580.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0906/2025/HDCNCP ngày 09 tháng 06 năm 2025. Theo đó tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà giảm từ 98% xuống 40%. Do đó Công ty Châu Á trở thành công ty liên kết của Công ty Nông lâm nghiệp Hồng Hà. Tại 30/06/2025, lãi hợp nhất theo phương pháp vốn chủ tại Công ty Châu Á là 904.461.535 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

|                                      | 30/06/2025           |          | 01/01/2025            |          |
|--------------------------------------|----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                      | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
|                                      | VND                  | VND      | VND                   | VND      |
| <b>Bên khác</b>                      |                      |          |                       |          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Elmaco        | 6.233.797.008        | -        | -                     | -        |
| Công ty CP Tập đoàn Hanco Việt Nam   | -                    | -        | 6.302.390.775         | -        |
| Công ty Cổ phần Dược liệu Đồng Nai   | -                    | -        | 11.290.334.400        | -        |
| Công ty CP Xuất nhập khẩu Vietwoodee | -                    | -        | 4.603.491.108         | -        |
| Phải thu khách hàng khác             | -                    | -        | 1.705.255.592         | -        |
|                                      | <b>6.233.797.008</b> | <b>-</b> | <b>23.901.471.875</b> | <b>-</b> |

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|                                          | 30/06/2025       |          | 01/01/2025           |          |
|------------------------------------------|------------------|----------|----------------------|----------|
|                                          | Giá trị          | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
|                                          | VND              | VND      | VND                  | VND      |
| <b>Bên khác</b>                          |                  |          |                      |          |
| Ông Lò Văn Độ - Ứng tiền mua nông sản    | -                | -        | 4.000.000.000        | -        |
| Ông Lò Văn Sợi - Ứng tiền mua nông sản   | -                | -        | 4.000.000.000        | -        |
| Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt | 9.900.000        | -        | -                    | -        |
| Đối tượng khác                           | -                | -        | 119.861.600          | -        |
|                                          | <b>9.900.000</b> | <b>-</b> | <b>8.119.861.600</b> | <b>-</b> |

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

|                                             | 30/06/2025            |          | 01/01/2025            |          |
|---------------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                             | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
|                                             | VND                   | VND      | VND                   | VND      |
| <b>Phải thu về cho vay các bên khác (*)</b> |                       |          |                       |          |
| Cho vay cá nhân                             | 43.010.000.000        | -        | 72.490.000.000        | -        |
|                                             | <b>43.010.000.000</b> | <b>-</b> | <b>72.490.000.000</b> | <b>-</b> |

(\*) Khoản cho vay các cá nhân có thời hạn tối đa 5 tháng, lãi suất 9%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**8 . PHẢI THU KHÁC**

|                                                                  | 30/06/2025             |          | 01/01/2025            |          |
|------------------------------------------------------------------|------------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                                                  | Giá trị                | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
|                                                                  | VND                    | VND      | VND                   | VND      |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                                               |                        |          |                       |          |
| <b>Bên khác</b>                                                  |                        |          |                       |          |
| Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia                        | 5.390.000.000          | -        | -                     | -        |
| Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay                           | 659.231.097            | -        | 310.305.070           | -        |
| Ký cược, ký quỹ                                                  | -                      | -        | 2.007.617.274         | -        |
| Phải thu khác về hợp tác đầu tư Dự án nhà ở Minh Ngọc Bình Dương | 59.000.000.000         | -        | -                     | -        |
| Chuyển tiền mua căn hộ MOV 057 -3                                | 31.000.000.000         | -        | -                     | -        |
| Phải thu tiền phạt theo thoả                                     | 7.699.068.493          | -        | -                     | -        |
| Phải thu khác (*)                                                | 507.500.000            | -        | 92.000.000            | -        |
|                                                                  | <b>104.255.799.590</b> | <b>-</b> | <b>2.409.922.344</b>  | <b>-</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>                                                |                        |          |                       |          |
| <b>Bên khác</b>                                                  |                        |          |                       |          |
| Phải thu khác (*)                                                | 97.575.000.000         | -        | 97.575.000.000        | -        |
|                                                                  | <b>97.575.000.000</b>  | <b>-</b> | <b>97.575.000.000</b> | <b>-</b> |

(\*) Là khoản hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1508/HTKD/NLX-LD/2023 ngày 15 tháng 08 năm 2023 giữa Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh với Liên danh Công ty Cổ phần DNĐT Lam Sơn và Công ty Cổ phần Đại Phước Bắc Giang về việc cùng nhau góp vốn hợp tác kinh doanh để xây dựng hạ tầng Dự án Cụm công nghiệp Thanh Sơn, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang. Theo đó, Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh góp 97.575.000.000 đồng - tương ứng 20% tổng mức đầu tư dự án. Công ty sẽ được hưởng 20% tổng lợi nhuận thu được từ Dự án trên sau khi đã thực hiện nghĩa vụ với nhà nước. Tính đến ngày 30/06/2025, Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh đã góp đủ số vốn đã cam kết.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**9 . HÀNG TỒN KHO**

|            | 30/06/2025 |          | 01/01/2025           |          |
|------------|------------|----------|----------------------|----------|
|            | Giá gốc    | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
|            | VND        | VND      | VND                  | VND      |
| Thành phẩm | -          | -        | 3.498.566.964        | -        |
|            | -          | -        | <b>3.498.566.964</b> | -        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Văn  
Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**10 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                                               | Nhà cửa, vật kiến<br>trúc | Máy móc, thiết bị     | Phương tiện vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ<br>quản lý | Cộng                  |
|-----------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
|                                               | VND                       | VND                   | VND                                | VND                          | VND                   |
| <b>Nguyên giá</b>                             |                           |                       |                                    |                              |                       |
| Số dư đầu kỳ                                  | 9.994.000.480             | 19.150.258.499        | 28.478.776.878                     | 34.727.273                   | 57.657.763.130        |
| - Giảm do thoái vốn tại công ty con           | -                         | -                     | (23.696.997.514)                   | -                            | (23.696.997.514)      |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                          | <b>9.994.000.480</b>      | <b>19.150.258.499</b> | <b>4.781.779.364</b>               | <b>34.727.273</b>            | <b>33.960.765.616</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>                 |                           |                       |                                    |                              |                       |
| Số dư đầu kỳ                                  | 4.505.192.250             | 13.917.852.386        | 7.039.243.765                      | 16.226.735                   | 25.478.515.136        |
| - Khấu hao trong kỳ                           | 249.850.026               | 158.242.867           | 739.751.687                        | 4.340.910                    | 1.152.185.490         |
| - Giảm do thoái vốn tại công ty con gián tiếp | -                         | -                     | (7.055.478.451)                    | -                            | (7.055.478.451)       |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                          | <b>4.755.042.276</b>      | <b>14.076.095.253</b> | <b>723.517.001</b>                 | <b>20.567.645</b>            | <b>19.575.222.175</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                        |                           |                       |                                    |                              |                       |
| Tại ngày đầu kỳ                               | 5.488.808.230             | 5.232.406.113         | 21.439.533.113                     | 18.500.538                   | 32.179.247.994        |
| Tại ngày cuối kỳ                              | <b>5.238.958.204</b>      | <b>5.074.163.246</b>  | <b>4.058.262.363</b>               | <b>14.159.628</b>            | <b>14.385.543.441</b> |

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.066.600.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                                       | 30/06/2025           | 01/01/2025           |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                       | VND                  | VND                  |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                    |                      |                      |
| Chi phí bảo hiểm                      | -                    | 30.915.610           |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác       | 12.254.998           | 5.803.874            |
|                                       | <b>12.254.998</b>    | <b>36.719.484</b>    |
| <b>b) Dài hạn</b>                     |                      |                      |
| Chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng (*) | 2.243.348.875        | 2.349.333.865        |
| Công cụ dụng cụ                       | 8.087.049            | 5.240.195            |
| Chi phí trả trước dài hạn khác        | 2.604.496            | 37.055.513           |
|                                       | <b>2.254.040.420</b> | <b>2.391.629.573</b> |

(\*) Khoản chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động san lấp, đào, phá đất đá để tạo mặt bằng khu vực nhà xưởng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm.

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|                                 | 30/06/2025           |                          | 01/01/2025           |                          |
|---------------------------------|----------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|
|                                 | Giá trị              | Số có khả năng trả<br>nợ | Giá trị              | Số có khả năng trả<br>nợ |
|                                 | VND                  | VND                      | VND                  | VND                      |
| <b>Bên khác</b>                 |                      |                          |                      |                          |
| Công ty CP Xuất<br>nhập khẩu 5T | -                    | -                        | 2.743.151.969        | 2.743.151.969            |
| Công ty CP<br>VBM Bắc Bộ        | 5.632.321.250        | 5.632.321.250            | -                    | -                        |
| Đối tượng khác                  | 76.492.390           | 76.492.390               | 99.123.463           | 99.123.463               |
|                                 | <b>5.708.813.640</b> | <b>5.708.813.640</b>     | <b>2.842.275.432</b> | <b>2.842.275.432</b>     |



13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

|                                        | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số phải thu cuối kỳ | Số phải nộp cuối kỳ |
|----------------------------------------|---------------------|---------------------|----------------------|-------------------------|---------------------|---------------------|
|                                        | VND                 | VND                 | VND                  | VND                     | VND                 | VND                 |
| Thuế Giá trị gia tăng                  | -                   | 1.836.901           | (1.836.901)          | -                       | -                   | -                   |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp             | -                   | 427.700.974         | 1.528.002.030        | 354.422.539             | -                   | 1.601.280.465       |
| Thuế Thu nhập cá nhân                  | -                   | 250.000             | -                    | -                       | -                   | 250.000             |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                   | -                   | 14.000.000           | 14.000.000              | -                   | -                   |
|                                        | -                   | 429.787.875         | 1.540.165.129        | 368.422.539             | -                   | 1.601.530.465       |

Công ty con: Công ty TNHH Ngọc Lặc Xanh, Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu, Công ty Cổ phần Dầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á được hưởng chính sách ưu đãi thuế áp dụng cho doanh nghiệp thành lập mới thuộc địa bàn kinh tế khó khăn theo quy định tại Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

|                                                | 30/06/2025  | 01/01/2025  |
|------------------------------------------------|-------------|-------------|
|                                                | VND         | VND         |
| <b>Phải trả khác</b>                           |             |             |
| - Bảo hiểm xã hội                              | 10.832.400  | -           |
| - Bảo hiểm y tế                                | 1.911.600   | -           |
| - Bảo hiểm thất nghiệp                         | 849.600     | -           |
| - Phải trả tiền nhận ứng trước bán chứng khoán | -           | 243.358.773 |
| <b>Phải trả bên liên quan</b>                  |             |             |
| - Thủ lao HĐQT và BKS                          | 204.000.000 | -           |
|                                                | 217.593.600 | 243.358.773 |

| 15 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH                                                   | 01/01/2025    |                       | Trong kỳ       |                                   | 30/06/2025 |                       |
|---------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|----------------|-----------------------------------|------------|-----------------------|
|                                                                                 | Giá trị       | Số có khả năng trả nợ | Tăng           | Giảm do thoái vốn tại công ty con | Giá trị    | Số có khả năng trả nợ |
|                                                                                 | VND           | VND                   | VND            | VND                               | VND        | VND                   |
| a) Vay ngắn hạn                                                                 |               |                       |                |                                   |            |                       |
| Vay ngắn hạn                                                                    | 1.524.037.875 | 1.524.037.875         | 10.140.172.761 | 11.664.210.636                    | -          | -                     |
| - Các khoảng vay margin và ứng trước tiền bán của hoạt động mua bán chứng khoán | 1.524.037.875 | 1.524.037.875         | 10.140.172.761 | 11.664.210.636                    | -          | -                     |
| Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả                                    | 4.646.211.667 | 4.646.211.667         | -              | 4.646.211.667                     | -          | -                     |
| - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (1)                                       | 78.685.704    | 78.685.704            | -              | 78.685.704                        | -          | -                     |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hậu Giang (2)                        | 1.623.000.000 | 1.623.000.000         | -              | 1.623.000.000                     | -          | -                     |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease (3)                    | 2.944.525.963 | 2.944.525.963         | -              | 2.944.525.963                     | -          | -                     |
|                                                                                 | 6.170.249.542 | 6.170.249.542         | 10.140.172.761 | 16.310.422.303                    | -          | -                     |
| b) Vay dài hạn và nợ thuế tài chính                                             |               |                       |                |                                   |            |                       |
| - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (1)                                       | 275.400.036   | 275.400.036           | -              | 275.400.036                       | -          | -                     |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hậu Giang (2)                        | 3.772.900.000 | 3.772.900.000         | -              | 3.772.900.000                     | -          | -                     |
|                                                                                 | 4.048.300.036 | 4.048.300.036         | -              | 4.048.300.036                     | -          | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                                                              | Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                       | Vốn khác của chủ sở hữu |                      | Quỹ đầu tư phát triển |                      | Lợi nhuận chưa phân phối |     | Lợi ích cổ đông không kiểm soát |     | Cộng |     |
|--------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------|-----|---------------------------------|-----|------|-----|
|                                                              | VND                       | VND                   | VND                     | VND                  | VND                   | VND                  | VND                      | VND | VND                             | VND | VND  | VND |
| <b>Tại ngày 01/01/2024</b>                                   | <b>353.835.080.000</b>    | <b>39.750.000.000</b> | <b>39.750.000.000</b>   | <b>4.447.191.254</b> | <b>37.210.959.770</b> | <b>4.862.975.469</b> | <b>440.106.206.493</b>   |     |                                 |     |      |     |
| Lãi/lỗ trong năm 2024                                        | -                         | -                     | -                       | -                    | 6.758.080.124         | 217.997.739          | 6.976.077.863            |     |                                 |     |      |     |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ phân phối lợi nhuận sau thuế (*) | 31.838.550.000            | -                     | -                       | -                    | (31.838.550.000)      | -                    | -                        |     |                                 |     |      |     |
| Chia cổ tức, lợi nhuận                                       | -                         | -                     | -                       | -                    | -                     | (52.500.000)         | (52.500.000)             |     |                                 |     |      |     |
| Chi trả thù lao HĐQT và BKS                                  | -                         | -                     | -                       | -                    | (408.000.000)         | -                    | (408.000.000)            |     |                                 |     |      |     |
| <b>Tại ngày 31/12/2024</b>                                   | <b>385.673.630.000</b>    | <b>39.750.000.000</b> | <b>39.750.000.000</b>   | <b>4.447.191.254</b> | <b>11.722.489.894</b> | <b>5.028.473.208</b> | <b>446.621.784.356</b>   |     |                                 |     |      |     |
| <b>Tại ngày 01/01/2025</b>                                   | <b>385.673.630.000</b>    | <b>39.750.000.000</b> | <b>39.750.000.000</b>   | <b>4.447.191.254</b> | <b>11.722.489.894</b> | <b>5.028.473.208</b> | <b>446.621.784.356</b>   |     |                                 |     |      |     |
| Lãi/lỗ trong kỳ này                                          | -                         | -                     | -                       | -                    | 1.108.762.648         | (93.132.145)         | 1.015.630.503            |     |                                 |     |      |     |
| Giảm do thoái vốn tại công ty con gián tiếp                  | -                         | -                     | -                       | -                    | (5.573.802.072)       | (998.568.175)        | (6.572.370.247)          |     |                                 |     |      |     |
| Trích thù lao HĐQT và BKS                                    | -                         | -                     | -                       | -                    | (408.000.000)         | -                    | (408.000.000)            |     |                                 |     |      |     |
| Tăng giảm/khác do hợp nhất                                   | -                         | -                     | -                       | -                    | -                     | 48                   | 48                       |     |                                 |     |      |     |
| <b>Tại ngày 30/06/2025</b>                                   | <b>385.673.630.000</b>    | <b>39.750.000.000</b> | <b>39.750.000.000</b>   | <b>4.447.191.254</b> | <b>6.849.450.470</b>  | <b>3.936.772.936</b> | <b>440.657.044.660</b>   |     |                                 |     |      |     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|                           | Tỷ lệ<br>(%) | Cuối kỳ<br>VND         | Tỷ lệ<br>(%) | Đầu kỳ<br>VND          |
|---------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung | 12,44%       | 47.960.000.000         | 12,44%       | 47.960.000.000         |
| Ông Nguyễn Tuấn Dũng      | 7,77%        | 29.975.000.000         | 7,77%        | 29.975.000.000         |
| Ông Lê Văn Đức            | 3,11%        | 11.990.000.000         | 3,11%        | 11.990.000.000         |
| Các cổ đông khác          | 76,68%       | 295.748.630.000        | 76,68%       | 295.748.630.000        |
|                           | <b>100%</b>  | <b>385.673.630.000</b> | <b>100%</b>  | <b>385.673.630.000</b> |

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

|                           | Từ ngày<br>01/01/2025 đến<br>ngày 30/06/2025<br>VND | Từ ngày<br>01/01/2024 đến<br>ngày 30/06/2024<br>VND |
|---------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 385.673.630.000                                     | 353.835.080.000                                     |
| - <i>Vốn góp đầu kỳ</i>   | 385.673.630.000                                     | 353.835.080.000                                     |
| - <i>Vốn góp cuối kỳ</i>  | 385.673.630.000                                     | 353.835.080.000                                     |

**d) Cổ phiếu**

|                                                  | 30/06/2025 | 01/01/2025 |
|--------------------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành              | 38.567.363 | 38.567.363 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 38.567.363 | 38.567.363 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                      | 38.567.363 | 38.567.363 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                  | 38.567.363 | 38.567.363 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                      | 38.567.363 | 38.567.363 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)            | 10.000     | 10.000     |

**e) Các quỹ công ty**

|                       | 30/06/2025<br>VND    | 01/01/2025<br>VND    |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 4.447.191.254        | 4.447.191.254        |
|                       | <b>4.447.191.254</b> | <b>4.447.191.254</b> |

**17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                                        | Từ ngày<br>01/01/2025 đến<br>ngày 30/06/2025<br>VND | Từ ngày<br>01/01/2024 đến<br>ngày 30/06/2024<br>VND |
|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 35.940.542.983                                      | 109.592.233.585                                     |
|                                        | <b>35.940.542.983</b>                               | <b>109.592.233.585</b>                              |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                                      | Từ ngày<br>01/01/2025 đến<br>ngày 30/06/2025 | Từ ngày<br>01/01/2024 đến<br>ngày 30/06/2024 |
|--------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
|                                      | VND                                          | VND                                          |
| Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ | 33.718.390.259                               | 102.163.086.894                              |
|                                      | <b>33.718.390.259</b>                        | <b>102.163.086.894</b>                       |

**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                       | Từ ngày<br>01/01/2025 đến<br>ngày 30/06/2025 | Từ ngày<br>01/01/2024 đến<br>ngày 30/06/2024 |
|---------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
|                                       | VND                                          | VND                                          |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay             | 9.674.966.605                                | 1.079.801.313                                |
| Lãi từ chuyển nhượng công ty liên kết | -                                            | 105.000.000                                  |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia           | 5.538.500.000                                | -                                            |
|                                       | <b>15.213.466.605</b>                        | <b>1.184.801.313</b>                         |

**20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                                          | Từ ngày<br>01/01/2025 đến<br>ngày 30/06/2025 | Từ ngày<br>01/01/2024 đến<br>ngày 30/06/2024 |
|------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
|                                          | VND                                          | VND                                          |
| Lãi tiền vay                             | 394.623.921                                  | 610.485.226                                  |
| Lỗ thoái vốn công ty liên kết            | -                                            | 96.453.143                                   |
| Lỗ thoái vốn công ty con gián tiếp       | 655.361.833                                  | -                                            |
| Lỗ từ hoạt động mua bán chứng khoán      | 3.773.307.388                                | -                                            |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 7.853.703.976                                | -                                            |
| Chi phí tài chính khác                   | 185.106.674                                  | -                                            |
|                                          | <b>12.862.103.792</b>                        | <b>706.938.369</b>                           |

**21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

|                           | Từ ngày<br>01/01/2025 đến<br>ngày 30/06/2025 | Từ ngày<br>01/01/2024 đến<br>ngày 30/06/2024 |
|---------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
|                           | VND                                          | VND                                          |
| Chi phí nhân viên         | 24.000.000                                   | 68.440.000                                   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 33.362.040                                   | 804.224.825                                  |
| Chi phí khác bằng tiền    | 7.431.768                                    | -                                            |
|                           | <b>64.793.808</b>                            | <b>872.664.825</b>                           |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                             | Từ ngày<br>01/01/2025 đến<br>ngày 30/06/2025 | Từ ngày<br>01/01/2024 đến<br>ngày 30/06/2024 |
|---------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
|                                             | VND                                          | VND                                          |
| Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng | 78.271.103                                   | 180.350.125                                  |
| Chi phí nhân viên                           | 696.331.047                                  | 592.207.478                                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định            | 422.583.188                                  | 407.405.004                                  |
| Thuế, phí, lệ phí                           | 16.767.956                                   | 17.000.000                                   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                   | 665.951.300                                  | 602.388.547                                  |
| Chi phí khác bằng tiền                      | 127.306.855                                  | -                                            |
|                                             | <b>2.007.211.449</b>                         | <b>1.799.351.154</b>                         |

**23 . THU NHẬP KHÁC**

|               | Từ ngày<br>01/01/2025 đến<br>ngày 30/06/2025 | Từ ngày<br>01/01/2024 đến<br>ngày 30/06/2024 |
|---------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
|               | VND                                          | VND                                          |
| Thu nhập khác | 650.700                                      | -                                            |
|               | <b>650.700</b>                               | <b>-</b>                                     |

**24 . CHI PHÍ KHÁC**

|                                           | Từ ngày<br>01/01/2025 đến<br>ngày 30/06/2025 | Từ ngày<br>01/01/2024 đến<br>ngày 30/06/2024 |
|-------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
|                                           | VND                                          | VND                                          |
| Các khoản bị phạt, truy thu, lãi chậm nộp | 7.401.917                                    | 20.211.541                                   |
| Chi phí khác                              | 182.633                                      | 1.000                                        |
|                                           | <b>7.584.550</b>                             | <b>20.212.541</b>                            |

**25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|                             | Từ ngày<br>01/01/2025 đến<br>ngày 30/06/2025 | Từ ngày<br>01/01/2024 đến<br>ngày 30/06/2024 |
|-----------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
|                             | VND                                          | VND                                          |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.531.433.783                                | 291.137.772                                  |
|                             | <b>1.531.433.783</b>                         | <b>291.137.772</b>                           |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

|                                                | Từ ngày<br>01/01/2025 đến<br>ngày 30/06/2025 | Từ ngày<br>01/01/2024 đến<br>ngày 30/06/2024 |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế                             | 1.108.762.648                                | 4.780.581.461                                |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông       | 1.108.762.648                                | 4.780.581.461                                |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 38.567.363                                   | 35.383.508                                   |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                | <b>29</b>                                    | <b>135</b>                                   |

**27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

|                                    | Giá trị sổ kế toán     |                        |                        |                      |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|
|                                    | 30/06/2025             |                        | 01/01/2025             |                      |
|                                    | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND        | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND      |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                        |                        |                        |                      |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 34.105.532.534         | -                      | 80.145.704.798         | -                    |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 208.064.596.598        | -                      | 123.886.394.219        | -                    |
| Các khoản cho vay                  | 43.010.000.000         | -                      | 72.490.000.000         | -                    |
| Đầu tư ngắn hạn                    | 68.009.739.281         | (8.396.181.239)        | 61.226.670.390         | (542.477.263)        |
|                                    | <b>353.189.868.413</b> | <b>(8.396.181.239)</b> | <b>337.748.769.407</b> | <b>(542.477.263)</b> |

|                                   | Giá trị sổ kế toán   |                       |
|-----------------------------------|----------------------|-----------------------|
|                                   | 30/06/2025           | 01/01/2025            |
|                                   | VND                  | VND                   |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>      |                      |                       |
| Vay và nợ                         | -                    | 10.218.549.578        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 5.926.407.240        | 3.085.634.205         |
| Chi phí phải trả                  | -                    | 285.632               |
|                                   | <b>5.926.407.240</b> | <b>13.304.469.415</b> |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

|                            | <u>Từ 1 năm<br/>trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm<br/>đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u>                  |
|----------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|------------------------------|
|                            | <u>VND</u>                    | <u>VND</u>                      | <u>VND</u>        | <u>VND</u>                   |
| <b>Tại ngày 30/06/2025</b> |                               |                                 |                   |                              |
| Đầu tư ngắn hạn            | 59.613.558.042                | -                               | -                 | 59.613.558.042               |
|                            | <u><u>59.613.558.042</u></u>  | <u><u>-</u></u>                 | <u><u>-</u></u>   | <u><u>59.613.558.042</u></u> |
| <b>Tại ngày 01/01/2025</b> |                               |                                 |                   |                              |
| Đầu tư ngắn hạn            | 60.684.193.127                | -                               | -                 | 60.684.193.127               |
|                            | <u><u>60.684.193.127</u></u>  | <u><u>-</u></u>                 | <u><u>-</u></u>   | <u><u>60.684.193.127</u></u> |

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

|                                    | Từ 1 năm<br>trở xuống<br>VND | Trên 1 năm<br>đến 5 năm<br>VND | Trên 5 năm<br>VND | Cộng<br>VND            |
|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| <b>Tại ngày 30/06/2025</b>         |                              |                                |                   |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 34.105.532.534               | -                              | -                 | 34.105.532.534         |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 110.489.596.598              | 97.575.000.000                 | -                 | 208.064.596.598        |
| Các khoản cho vay                  | 43.010.000.000               | -                              | -                 | 43.010.000.000         |
|                                    | <b>187.605.129.132</b>       | <b>97.575.000.000</b>          | <b>-</b>          | <b>285.180.129.132</b> |
| <b>Tại ngày 01/01/2025</b>         |                              |                                |                   |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 80.145.704.798               | -                              | -                 | 80.145.704.798         |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 26.311.394.219               | 97.575.000.000                 | -                 | 123.886.394.219        |
| Các khoản cho vay                  | 72.490.000.000               | -                              | -                 | 72.490.000.000         |
|                                    | <b>178.947.099.017</b>       | <b>97.575.000.000</b>          | <b>-</b>          | <b>276.522.099.017</b> |

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

|                                      | Từ 1 năm<br>trở xuống<br>VND | Trên 1 năm<br>đến 5 năm<br>VND | Trên 5 năm<br>VND | Cộng<br>VND           |
|--------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|-----------------------|
| <b>Tại ngày 30/06/2025</b>           |                              |                                |                   |                       |
| Phải trả người<br>bán, phải trả khác | 5.926.407.240                | -                              | -                 | 5.926.407.240         |
|                                      | <b>5.926.407.240</b>         | <b>-</b>                       | <b>-</b>          | <b>5.926.407.240</b>  |
| <b>Tại ngày 01/01/2025</b>           |                              |                                |                   |                       |
| Vay và nợ                            | 6.170.249.542                | 4.048.300.036                  | -                 | 10.218.549.578        |
| Phải trả người<br>bán, phải trả khác | 3.085.634.205                | -                              | -                 | 3.085.634.205         |
| Chi phí phải trả                     | 285.632                      | -                              | -                 | 285.632               |
|                                      | <b>9.256.169.379</b>         | <b>4.048.300.036</b>           | <b>-</b>          | <b>13.304.469.415</b> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**29 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

| <b>Bên liên quan</b>                                                                    | <b>Mối quan hệ</b>               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu                                                     | Công ty con                      |
| Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà<br>(đổi tên từ "Công ty Cổ phần HongHa Pharma") | Công ty con                      |
| Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh                                                     | Công ty con                      |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ, Sản xuất và Kinh<br>doanh Lâm nghiệp Hà Nội                    | Công ty liên kết của Công ty con |
| Thành viên Hội đồng quản trị                                                            |                                  |
| Thành viên Ban Tổng Giám đốc                                                            |                                  |
| Thành viên Ban Kiểm soát                                                                |                                  |
| Kế toán trưởng                                                                          |                                  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ**

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách  
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2025

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

|                                                       | Từ ngày<br>01/01/2025 đến<br>ngày 30/06/2025 | Từ ngày<br>01/01/2024 đến<br>ngày 30/06/2024 |
|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
|                                                       | VND                                          | VND                                          |
| <b>Thu nhập và thù lao của người quản lý chủ chốt</b> |                                              |                                              |
| Ông Lê Văn Đức                                        | 63.640.000                                   | 63.640.000                                   |
| Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung                             | 30.000.000                                   | 30.000.000                                   |
| Ông Nguyễn Tuấn Dũng                                  | 77.500.000                                   | 75.700.000                                   |
| Ông Lê Anh Tuấn                                       | 30.000.000                                   | 30.000.000                                   |
| Ông Lưu Chiến Thắng                                   | 30.000.000                                   | 30.000.000                                   |
| Ông Dương Quân Anh                                    | 18.000.000                                   | 18.000.000                                   |
| Ông Đặng Quốc Hưng                                    | 53.500.000                                   | 40.448.000                                   |
| Bà Bùi Phương Anh                                     | 53.500.000                                   | 51.700.000                                   |
| Bà Trần Ngọc Lan                                      | 35.500.000                                   | 33.700.000                                   |
|                                                       | <b>391.640.000</b>                           | <b>373.188.000</b>                           |

**30 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được kiểm toán soát xét.

**Trần Thị Thom**  
Người lập

**Trần Ngọc Lan**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Tuấn Dũng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20.. tháng 07.. năm 2025